

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2019/HS-ST
Ngày 09-9-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Văn Trúng

Ông Nguyễn Văn Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Liên - Là Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 66/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2019/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Hứa Võ T, sinh ngày 23 tháng 7 năm 1989 tại tỉnh Đồng Nai. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp Chợ, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hứa Ngọc T và bà Võ Thị P; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị T và có 01 con.

Tiền án: Ngày 22/12/2016, bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm 04 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Đến ngày 15/01/2018, bị cáo T chấp hành xong hình phạt tù.

Tiền sự: Ngày 05/6/2018, bị cáo T bị Trưởng công an huyện N ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000đ về hành vi: Xâm phạm sức khỏe người khác. Bị cáo đã chấp hành xong việc nộp phạt vào ngày 25/6/2018.

- Nhân thân:

+ Ngày 24/8/2012, bị cáo T bị Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

+ Ngày 12/9/2016, bị Tòa án nhân dân huyện N ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 24 tháng.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 20/5/2019. Bị cáo có mặt.

- Bị hại:

+ Anh Vũ Quốc N, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: thôn Ninh Duy, xã K, huyện T, TP. Hải Phòng.

Địa chỉ tạm trú: ấp Bến Sắn, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

+ Chị Phan Thị Xuân D, sinh năm 1991

+ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1981

Cùng địa chỉ: ấp Bến Cam, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Vũ Văn T, sinh năm 1967

Hộ khẩu thường trú: thôn Ninh Duy, xã K, huyện T, TP. Hải Phòng.

Địa chỉ tạm trú: ấp Trầu, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

+ Chị Phan Thị Hiền, sinh năm 1994

Hộ khẩu thường trú: Thôn 15, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ tạm trú: ấp Bến Cam, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 00 giờ 30 phút, ngày 25/11/2018, Hứa Võ T mang theo một chiếc mốp lét đi bộ đến ấp Bến Sắn, xã P, huyện N để trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài. Khi T đi qua nhà của anh Vũ Quốc N thì thấy có 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nozza biển số 47M1-315.52 đang dựng trong sân, trên xe có để sẵn chìa khóa, không ai trông coi nên nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe nêu trên. Ngay sau đó, T leo qua cổng, dùng mốp lét bẻ gãy một khoen cửa cổng và dẫn xe mô tô ra ngoài rồi nổ máy chạy đến phòng trọ của bạn tên Nguyễn Minh T và Trần Thị Ánh M tại ấp 5, xã H, huyện N. T nói với Tường cho gửi nhờ xe thì Tường đồng ý. Sau đó Thường dùng mốp lét mang theo tháo biển số 47M1-315.52 rồi vứt bỏ biển số xe và mốp lét nêu trên ở lề đường Hùng Vương. Đến 05 giờ ngày 25/11/2018, anh Nhật phát hiện xe mô tô bị mất trộm nên đến Công an xã P trình báo. Qua điều tra, phát hiện xe mô tô biển số 47M1-315.52 đang ở phòng trọ của Tường và Mai tại ấp 5, xã H, huyện N nên Công an xã P lập hồ sơ ban đầu và chuyển cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N để xử lý theo thẩm quyền.

Ngày 20/01/2019, Hứa Võ T điều khiển xe mô tô biển số 72E1-423.44 mang theo một cái mỏ lết bỏ trong cốp xe đến các khu trọ tại khu vực ấp Bến Cam, xã P, huyện N để xem phòng trọ nào không có người trông coi thì dùng mỏ lết bẻ móc, khoen cửa phía ngoài để đột nhập vào trong chiếm đoạt tài sản. Khi đến nhà trọ của ông Phạm Đình Đ thì thấy phòng trọ của chị Phan Thị Xuân D khóa ngoài không người trông coi nên T dùng xe ở ngoài đi vào phòng trọ dùng mỏ lết bẻ móc, khoen cửa phía ngoài để đột nhập vào trong phòng và chiếm đoạt tài sản gồm: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Hua Wei GR5, 02 chiếc nhẫn kim loại màu vàng. Khi T đem tài sản chiếm đoạt ra ngoài thì bị anh Phạm Đình Đ phát hiện và tri hô cùng người dân bắt giữ T giao cho Công an xã P. Công an xã P lập hồ sơ ban đầu và chuyển cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N để xử lý theo thẩm quyền.

Tang vật vụ án gồm:

- + 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nozza.
- + 01 xe mô tô hiệu Sirius biển số 72E1-423.44 và 01 cái mỏ lết.
- + 01 chiếc điện thoại di động hiệu Hua Wei GR5, 02 chiếc nhẫn kim loại màu vàng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 249/KLĐG- HĐĐG ngày 07/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện N xác định: 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Nozza, biển kiểm soát số 47M1-315.52 có giá trị là 10.800.000đ.

Tại bản kết luận giám định số 1606/C09B ngày 29/3/2019 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận 02 chiếc nhẫn kim loại màu vàng có thành phần kim loại vàng (Au). Tại bản kết luận định giá tài sản số 32/KLĐG- HĐĐG ngày 22/02/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện N xác định: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Hua Wei GR5 có giá trị là 1.800.000đ; 02 chiếc nhẫn vàng có giá trị là 2.200.000đ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại đều không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết quả định giá của Hội đồng định giá nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 65/CT.VKS-NT ngày 07/8/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Hứa Võ T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Hứa Võ T từ 18 đến 20 tháng tù.

+ Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo T chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho người bị hại, các bị hại cũng không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Bị cáo Hứa Võ T không có ý kiến gì đối với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo Hứa Võ T tại phiên tòa: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Trước cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Hứa Võ T đã khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được có tại hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở xác định:

+ Vào ngày 25/11/2018, tại ấp Bến Sắn, xã P, huyện N, bị cáo Hứa Võ T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Nozza, biển kiểm soát số 47M1-315.52 có giá trị là 10.800.000đ của anh Vũ Quốc N.

+ Ngày 20/01/2019, tại ấp Bến Cam, xã P, huyện N, bị cáo Hứa Võ T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động hiệu Hua Wei GR5 có giá trị 1.800.000đ và 02 chiếc nhẫn vàng có giá trị 2.200.000đ của chị Phan Thị Xuân D và anh Nguyễn Văn T.

Như vậy, hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố để kết luận bị cáo Hứa Võ T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo T nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do muốn có tiền để tiêu xài nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội bất chấp hậu quả xảy ra. Mặt khác, bị cáo T là người có nhân thân xấu thể hiện đã bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, bị xử lý vi phạm hành chính do xâm phạm sức khỏe của người khác, bị cáo đã bị Tòa án xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích nhưng bị cáo không biết ăn năn, hối cải để làm ăn, sinh sống lương thiện, đúng quy định của pháp luật mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội.

Vì vậy, bị cáo phải nhận hình phạt tù có thời hạn tương xứng với tính chất mức độ phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo khai không có việc làm và không có thu nhập nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã bị kết án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm và bị cáo có 02 lần thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản tài sản, cả hai lần đều đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản nên cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm và phạm tội từ 02 lần trở lên đối với bị cáo theo quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên Tòa, bị cáo tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo T chiếm đoạt đã được thu hồi trả cho các bị hại và các bị hại cũng không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xét.

[7] Về án phí: Bị cáo Hứa Võ T phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ.

[8] Về biện pháp tư pháp: Đối với chiếc mô lét bị cáo T sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với xe mô tô hiệu Sirius biển số 72E1-423.44 do chưa xác minh được nguồn gốc, chủ sở hữu nên Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện N tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý sau.

[9] Đối với Nguyễn Minh T và Trần Thị Ánh M nhận giữ tài sản của Thường nhưng không biết tài sản do Thường phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N không xử lý là đúng quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Hứa Võ T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Hứa Võ T 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/5/2019.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 chiếc mô tô là vật chứng trong vụ án. (Vật chứng nêu trên hiện do Chi cục thi hành án dân sự huyện N đang lưu giữ theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 13/8/2019).

Về án phí: Buộc bị cáo Hứa Võ T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục thi hành án DS huyện N
- Bị cáo, người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Lâm